

# TABLE OF CONTENTS

- 1 Introduction
- 2 Vision & Core Values
- 3 **Business Licenses**
- 4 Our Products
- **5** Our Services
- 6 Our Partners



### INTRODUCTION



Founded in 2022, MYKHA Co., Ltd has built a solid reputation in providing specialized maritime equipment, shipbuilding solutions, and marine agency services. With many years of experience in the maritime industry, we have become a trusted partner to clients who demand reliability, innovation, and quality in logistics systems and marine auxiliary equipment.

In addition to shipbuilding, MYKHA also supplies advanced industrial machinery for the recycling sector, including equipment for processing rubber, plastics, and waste tires into reusable raw materials such as steel and aluminum. This contributes to promoting a circular economy and sustainable production.

As Vietnam accelerates its transition to clean and renewable energy, MYKHA pioneers in expanding into new sectors such as wind power and waste-to-energy solutions—particularly pyrolysis technology for industrial and agricultural waste. Facing increasing challenges with traditional energy sources like thermal and hydropower, we remain steadfast in our commitment to green technology, improving energy efficiency, and reducing carbon emissions.

With a sustainable development orientation, MYKHA provides integrated solutions across maritime logistics, maritime equipment supply, and renewable energy systems—serving as a reliable partner in the continuously growing shipping and renewable energy industries in Vietnam.

### **VISION & VALUES**





#### **Our Vision**

MYKHA strives to become a trusted and pioneering enterprise in the fields of maritime engineering, logistics, renewable energy, and sustainable agriculture. We aim to contribute to an innovative and sustainable industrial ecosystem in Vietnam and globally.



### **Our Mission**

For Customers:

Provide high-quality products, innovative solutions, and prompt services that quickly respond to the growing demands of the maritime, recycling, and clean energy sectors.

For Partners:

Build long-term partnerships based on trust, mutual success, and collaboration in an ever-changing industrial landscape.

For Employees:

Foster a professional, dynamic, and creative working environment that encourages each individual to maximize their potential, innovate, and continuously grow.



### **Core Values**

For Customers:

Deliver superior products, creative solutions, and responsive services that meet the increasing development needs in maritime, recycling, and clean energy.

For Partners:

Establish lasting partnerships founded on trust and mutual success, adapting together in an evolving industry.

For Employees:

Cultivate a workplace that is professional, energetic, and innovative - empowering each individual to unlock potential, embrace change, and thrive.



## **BUSINESS LICENSE**

SÓ TÁI CHÍNH TÍNH BÁ BIA - NÚSKI TÁIL PHONG BANG KY KINH BOANH CONG HỘA XÃ HỘI CHỆ NGHĨA VIỆT NAM

#### GIÁY CHỨNG NHẬN ĐẶNG KÝ ĐOẠNH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẠI THÀNH VIỆN TRỞ LẬN

#### Mã số doạnh nghiệp: 3502483003

Đảng kỳ lần đầu: ngày 23 tháng 08 năm 2022 Dang ký thay đổi lần thức 8, ngày 16 tháng 04 năm 2025

#### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MYKHA Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MYKHA COMPANY LIMITED Tên công ty viết tắt

#### 2. Dja chỉ trụ sở chính

Đường xố 7, KCN Đồng Xưyên, Phường Rạch Điao, Thành phố Vũng Tâu, Tinh Bà Ria · Ving Tinc, Việt Nam

Dien thoại: 0234 3513 896

Fax: 0254 3513 896

Website

3. Vấn điệu tệ : 6.000 000 000 đồng Ribor chir Sing to dilam

#### 4. Danh sách thành viên góp vốn

| SII | Tên thánh viên        | Quốc tịch | lạc đối với cá<br>nhận; địa chi<br>trụ sở chính  | Phin von gön<br>(VND và giá tr)<br>turng daong<br>theo don vi trên<br>nuch ngoài, nếu<br>có) | Ty 16 (%) | Số Giấy tô<br>pháp lý của<br>cả nhân;<br>Mã sử<br>doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Giấy tô<br>pháp lý của<br>tổ chức | Ghi chú. |
|-----|-----------------------|-----------|--|--|-----------|---|----------|
| 8   | NGUYÊN XUÂN<br>TRƯỚNG | Việt Nam  | 135/5D Lê<br>Quang Dịnh,<br>Phường Tháng<br>Nhất, Thành<br>phố Vũng<br>Tâu, Tinh Bi<br>Rịa - Việng | 3,000,000,000  | 50,000    | 001083054<br>346  |          |

| 2 MNH QUỐC<br>KHÁNH | Việt Nam | As Nosh.<br>Phobag 7,<br>Thirth pho<br>Vong Tiss,<br>Tinh Bi Ris -<br>Ving Tiss. | 3.000.000.000 | 50,000 | 038083010 |  |
|---------------------|----------|--|---------------|--------|-----------|--|
|---------------------|----------|--|---------------|--------|-----------|--|

Người đại điện theo pháp luật của công ty

Ho và tên: NINH QUỐC KHÁNH

Giội tính: Nam

Gildi tirdy. Now

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngiv: 31/03/1983 Dân tộc: Kinh

Oude tich: Việt Nam Loại giấy tô pháp lý của cá nhân: Thể cấn cước công dân

Số giấy từ pháp lý của cả nhân: 038083010020

Ngày chp: 18/10/2022 Noi cấp: Cực Cánh sát Quân lý hãnh chính về trật

Dia chi thường trù: Số 116 đường Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tâu, Tinh Bà Rịa - Vững Tâu, Việt Nam

Địa chi liên lạc: Số 116 đường Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tinh

Bà Rịa - Vững Tâu, Việt Nam \* Ho và tên: NGUYÊN XUÂN TRƯỜNG

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 05/05/1983 Dân tộc: Kinh Loại giấy từ pháp lý của cá nhân: Thể cần cước công dân

Số giấy từ pháp lý của cả nhân: 001083054346

Ngày cấp: 06/03/2023 Noi câp: Cuc cánh sắt OLHC về TTXH

Địa chi thường trù: Số 135/D5 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Thành phố Văng Tân, Tinh Bà Rịa - Vũng Tân, Việt Nan

Địa chi liên lạc: Số 135/DS Lê Quang Định, Phường Tháng Nhất, Thành phố Vũng Tâu, Tinh Bà Ria - Vũng Tâu, Việt Nam

TRUONG PHONG

At MYKHA, we provide comprehensive industrial solutions in the fields of maritime, recycling, and clean resources. Built on a strong foundation of technical expertise and logistics, our products include:

 Mechanical & Industrial Engineering Equipment.

We offer a wide range of CNC products and essential technical support equipment for industrial operations, shipbuilding, energy, as well as daily use, including:

- High-pressure air compressors, diesel/gas generators.
- Mechanical structures such as scaffolding, pipelines, steel frames, industrial tanks, and storage equipment.
- Electronic systems, pumps, and electric motors.
- Essential living equipment to support the lives of seafarers, workers, and offshore laborers.







## Equipment for Stores and Retail Chains

We partner with strategic allies with over 30 years of experience in providing:

- High-quality POSM display racks for floors and counters.
- Display cabinets, 3D signboards, metal signs, etc.
- Equipment and materials for stores.



**Recycling Equipment Solutions** 

We provide advanced machinery for the recycling and resource recovery industry, including:

- Plastic recycling lines.
- Rubber pyrolysis systems for tire treatment and fuel oil recovery.
- Copper and aluminum separation equipment.
- Solutions for agricultural and industrial waste treatment.

Our technologies support customers in adopting green methods while ensuring compliance with environmental standards.







Products from Industrial Waste

**Pyrolysis** 

Our company specializes in processing industrial waste such as end-of-life tires, rubber, and plastics using modern pyrolysis technology.

This process allows us to recover valuable resources such as:

- Steel Wire
- Recovered Carbon Black (rCB)
- Tire Pyrolysis Oil (TPO)







### **Tire Pyrolysis Oil (TPO)**

Used as an alternative fuel, feedstock for refining, chemical production, and industrial fuel for boilers and furnaces.

#### Productions: 81,000 tons/year

| NO | Test   | Method   | Result | Unit   |
|----|--|--|--------|--------|
| 1  | Total Chlorides  | UOP 779-08   | 23     | mg/kg  |
| 2  | Organic Chloride   | UOP 779-08   | 7,7    | mg/kg  |
| 3  | Total Nitrogen   | ASTM D4629-17  | 0.660  | %(m/m) |
| 4  | Carbon content®  | ASTM D5291-21  | 87.6   | %(m/m) |
| 5  | Hydrogen content*  | ASTM D5291-21  | 10.8   | %(m/m) |
| 6  | Oxygen content   | Ref. ISO 16993:2016<br>(Calculation from C, H, N,<br>S, Ash, CI) | 0.142  | %(m/m) |
| 7  | Aluminium (AJ)*  | ASTM D5185-18  | <1     | mg/kg  |
| 8  | Calcium (Ca)*  | ASTM D5185-18  | 3      | mg/kg  |
| 9  | Iron (Fe)*   | ASTM D5185-18  | <1     | mg/kg  |
| 10 | Potassium (K)*   | ASTM D5185-18  | 1      | mg/kg  |
| 11 | Magnesium (Mg)*  | ASTM D5185-18  | ব      | mg/kg  |
| 12 | Sodium (Na)*   | ASTM D5185-18  | <1     | mg/kg  |
| 13 | Nickel (Ni)*   | ASTM D5185-18  | <1     | mg/kg  |
| 14 | Silicon (Si)*  | ASTM D5185-18  | 12     | mg/kg  |
| 15 | Phosphorus (P)*  | ASTM D5185-18  | 1      | mg/kg  |
| 16 | Vanadium (V)*  | ASTM D5185-18  | <1     | mg/kg  |
| 17 | Pour point   | ASTM D97-17b(2022)   | <-42   | °C     |
| 18 | Sulfur content   | ASTM D5453-19a   | 0.7915 | %(m/m) |
|    | Hydrocarbon Composition by High<br>Temperature Gas Chromatography* | ASTM D7169-20e1  |        |        |
|    | Initial boiling point (IBP)  |  | 69.0   | °C     |
| 19 | •5%  |  | 111.0  | °C     |
|    | . 10 %   |  | 135.0  | °C     |
|    | • 20 %   |  | 160.0  | °C     |



### **Products from Industrial Waste Pyrolysis**

#### Recovered Carbon Black (rCB)

A sustainable solution that replaces virgin carbon black, widely used in the production of recycled rubber tires and related products.

It also serves as raw material for the plastics industry, pigments, and construction materials

#### Production: 62,400 tons/year

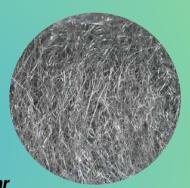
| No. | Parameters                  | Unit                                | Values        |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------|---------------|
| 1   | lodine adsorption           | g/kg                                | 92~200        |
| 2   | Oil absorption number (DBP) | 10 <sup>-5</sup> m <sup>3</sup> /kg | 78~90         |
| 3   | Particle size               | Micron                              | 44.5~52.5     |
| 4   | Heating loss 125, max       | %                                   | 0.54~15.7     |
| 5   | Ash content, max            | %                                   | 20.1~20.9     |
| 6   | pH value                    |                                     | 6~9           |
| 7   | Sulfur content              | %                                   | 2.84~3.26     |
| 8   | Asen (As)                   | Mg/kg                               | 0.25~0.54     |
| 9   | Cadmium (Cd)                | Mg/kg                               | 1.51 ~ 2.09   |
| 10  | Lead (Pb)                   | Mg/kg                               | 68.6 ~ 85.9   |
| 11  | Chrome (Cr)                 | Mg/kg                               | 2.47 ~ 4.14   |
| 12  | Mercury (Hg)                | Mg/kg                               | 0.022 ~ 0.029 |
| 13  | Nickel (Ni)                 | Mg/kg                               | 4.43 ~ 6.07   |
| 14  | Selen (Se)                  | Mg/kg                               | Not detected  |
| 15  | Zinc (Zn)                   | %                                   | 3.67 ~ 4.32   |
| 16  | Organic C content           | %                                   | 74.43 - 76.82 |
| 17  | Total Nitrogen Content      | %                                   | 0.21 - 0.25   |
| 18  | Toluene Transmittance       | %                                   | 15.4          |
| 19  | BET Surface Area (NSA)      | m <sup>2</sup> /g                   | 63.4          |



### **Industrial Waste Pyrolysis Products**

#### **Steel Wire**

Can be recycled into new metal products, contributing to circular production and infrastructure development.



#### Productions: 37,400 tons/year

| Tên chi tiêu<br>Specification                         | Phương pháp thử<br>Test method       | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---|--------------------------------------|-----------------------------------|
| THÀNH PHÀN HÓA HỌC<br>CHEMICAL COMPOSITION            | ASTM E 1086 - 22<br>ASTM E 1019 - 18 |                                   |
| 7.1. Hàm lượng/ Content % (m/m)  • Cacbon/ Carbon (C) |                                      | 0,746                             |
| <ul> <li>Mangan/ Manganese (Mn)</li> </ul>            |                                      | 0,715                             |
| <ul> <li>Silic/ Silicon (Si)</li> </ul>               |                                      | 0,202                             |
| Photpho/ Phosphorus (P)                               |                                      | 0,015                             |
| <ul> <li>Lưu huỳnh/ Sulfur (S)</li> </ul>             |                                      | 0,019                             |

| Tên chi tiêu  Specification                           | Phương pháp thứ<br>Test method | Kết quá thử nghiệm<br>Test result |
|---|--------------------------------|-----------------------------------|
| THÀNH PHẨN HÓA HỌC<br>CHEMICAL COMPOSITION            | ASTM E 415 - 21                |                                   |
| 7.1. Hàm lượng/ Content % (m/m)  • Cacbon/ Carbon (C) |                                | 0,720                             |
| Mangan/ Manganese (Mn)                                |                                | 0,544                             |
| Silic/ Silicon (Si)                                   |                                | 0,210                             |
| Photpho/ Phosphorus (P)                               |                                | 0,020                             |
| Luru huỳnh/ Sulfur (S)                                |                                | 0,003                             |

## Products from Pyrolysis of Agricultural

### **By-products**

In addition to industrial waste, we also process agricultural by-products such as wood scraps, rice husks, straw, coconut shells, bamboo, etc.

Through the pyrolysis process, these organic materials are transformed into valuable products such as wood vinegar and biochar.

| No | Test                  | Method                  | Result | Unit    |
|----|-----------------------|-------------------------|--------|---------|
| 1  | Methanol content *    | GC SGS VOC A01-12       | 0.95   | %(m/m)  |
| 2  | Phenol content *      | GC SGS VOC A01-12       | 0.13   | %(m/m)  |
| 3  | Acetic Acid content 1 | BS 576-2 1988           | 4.83   | %(m/re) |
| 4  | Density at 20°C       | ASTM D4052-22           | 1.034  | g/mL    |
| 5  | Water content *       | ASTM E203-23            | 91,501 | %(m/m)  |
| 6  | pH value *            | ASTM E70-19             | 2.5    |         |
| 7  | Non-volatile matter * | Ref.ASTM D1644-01(2023) | 2.60   | %(m/m)  |
| 8  | Mercury (Hg) *        | LCHE-TST-WI 8001        | <0.01  | mg/kg   |
| 9  | Arsenic (As) *        | LCHE-TST-WI 8001        | 0.18   | mgko    |

Productions: 12,000 tons/year

### **Wood Vinegar**

Widely used as an organic pesticide, growth stimulant, and soil conditioner in agriculture. It is also applied in animal husbandry, aquaculture, and as an environmentally friendly deodorizer.

Wood vinegar helps improve soil quality, stimulate plant growth, and enhance seed germination.



## Products from Pyrolysis of Agricultural By-products

### **Biochar**

Biochar is a sustainable agricultural product that helps improve soil fertility and quality by retaining water and nutrients, increasing crop yields, and storing carbon in the soil. It contributes to climate change mitigation and adaptation.

| lo | Parameters                              | Unit  | Values      |
|----|---|-------|-------------|
| 1  | Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAHs) | mg/kg | 6-20        |
| 2  | Dioxins/Furans (PCDD/Fs)                | mg/kg | < 17        |
| 3  | Polychlorinated Biphenyls (PCBs)        | mg/kg | 0.2 - 1     |
| 4  | Arsenic (As)                            | mg/k  | 13-100      |
| 5  | Cadmium (Cd)                            | mg/kg | 1.4 - 39    |
| 6  | Chromium (Cr)                           | mg/kg | 93 - 1200   |
| 7  | Cobalt (Co)                             | mg/kg | 34 – 100    |
| 8  | Copper (Cu)                             | mg/kg | 143 - 6000  |
| 9  | Lead (Pb)                               | mg/kg | 121 – 300   |
| 10 | Molybdenum (Mo)                         | mg/kg | 5 – 75      |
| 11 | Mercury (Hg)                            | mg/kg | 1-17        |
| 12 | Nickel (Ni)                             | mg/kg | 47 – 420    |
| 13 | Selenium (Se)                           | mg/kg | 2-200       |
| 14 | Zinc (Zn)                               | mg/kg | 416 - 7400  |
| 15 | Boron (B)                               | mg/kg | Declaration |
| 16 | Chlorine (CI)                           | mg/kg | Declaration |
| 17 | Sodium (Na)                             | mg/kg | Declaration |

Productions: 10,000 tons/year







### **Organic Products**

### **Organic Soil and Fertilizers**

We aim to be part of the sustainable development movement in agriculture by providing high-quality organic soil and fertilizers.

Our products can be widely applied in growing vegetables, ornamental plants, and perennial trees.



#### Our products include:

- Soil for apricot trees.
- Soil for vegetables.
- Organic fertilizers.
- Clean nutrient-rich soil.
- Microbial organic fertilizers.
- Bonsai soil.





# MXHA

### **Shipping Agency Services**

- Procedures for entry, exit, inland waterway, and port transfer for ships.
- Import and export procedures for ships and cargo.
- Berthing arrangements for ships at ports and anchorage areas.
- Applying for related permits.
- Crew change services: applying for visas, arranging airport pick-up/drop-off, hotel booking, shore passes, embarkation/disembarkation procedures, etc.









### **Ship Supply Services**

- Supplying food and materials for ships.
- Providing industrial gases (O<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, etc.) for ships and offshore activities.
- Leasing oil and gas equipment.













# MXHA

### **Design and Construction Services**

- We provide specialized solutions for retail chains and stores.
- Our services include: designing brand identity systems and store interiors, manufacturing and installing highquality retail display items such as mid-floor shelves, 3D signs, and all types of POSM (point-of-sale materials).
   From concept development to implementation, we are committed to creating a professional retail space that strengthens brand identity and enhances the customer shopping experience.









## Specialized Consulting Services

MYKHA offers our partners specialized consulting and design services, including:

- Industrial wastewater treatment and cooling water systems for heavy industries such as metallurgy and cement.
- Pyrolysis plants for treating industrial and agricultural waste.
- Environmental-friendly solutions aligned with sustainable development goals.
- Import-export lines in various fields such as goods, equipment, recycled materials, agricultural products, and industrial logistics.















## MYKHA VIETNAM CO., LTD.

Address: No. 7 Street, Dong Xuyen Industrial Park, Rach Dua Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

**Hotline:** +84 254 3513 896 / +84 967 677 337

Email: ninhquockhanh@mykha.vn

**Website:** <u>www.mykhavn.net</u>